

Số: 821 /QĐ- TCHQ

Hà Nội, ngày 13 tháng 4 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH
VỀ VIỆC THÀNH LẬP Ban Triển khai dự án VNACCS/VCIS

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan ngày 29/6/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan ngày 14/6/2005;

Căn cứ Quyết định số 02/2010/QĐ-TTg ngày 15/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 731/QĐ-BTC ngày 23/03/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao Tổng cục Hải quan là chủ dự án “HTKT về sửa đổi bổ sung khung pháp lý và tái thiết kế quy trình thủ tục để thực hiện hải quan điện tử và cơ chế hải quan một cửa quốc gia”;

Căn cứ Quyết định số 732/QĐ-BTC ngày 23/3/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao Tổng cục Hải quan là chủ dự án “Xây dựng, triển khai Hải quan điện tử và thực hiện cơ chế hải quan một cửa quốc gia phục vụ hiện đại hóa hải quan tại Việt Nam”;

Xét đề nghị của Trưởng Nhóm làm việc hỗ trợ triển khai Dự án tiếp nhận hệ thống NACCS của Nhật Bản, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Triển khai dự án “HTKT về sửa đổi bổ sung khung pháp lý và tái thiết kế quy trình thủ tục để thực hiện hải quan điện tử và cơ chế hải quan một cửa quốc gia” và “Xây dựng, triển khai Hải quan điện tử và thực hiện cơ chế hải quan một cửa quốc gia phục vụ hiện đại hóa hải quan tại Việt Nam” (sau đây gọi tắt là Ban Triển khai dự án VNACCS/VCIS) do ông Vũ Ngọc Anh, Phó Tổng cục trưởng làm Trưởng Ban và các ông (bà) có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Nhiệm vụ của Ban Triển khai dự án VNACCS/VCIS:

1. Tổ chức triển khai các cấu phần của dự án viện trợ không hoàn lại và dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA không hoàn lại của Chính phủ Nhật Bản dành cho Việt Nam để phát triển hệ thống thông quan tự động, gọi tắt là VNACCS/VCIS.

2. Chủ trì làm việc với nhà thầu, tư vấn và các chuyên gia của Hải quan Nhật bản về các nội nghiệp vụ và kỹ thuật liên quan đến hệ thống VNACCS/VCIS.

3. Nghiên cứu và đề xuất giải pháp hoàn thiện quy trình thủ tục thông quan hàng hóa để vận hành trên hệ thống VNACCS/VCIS; phương thức quản lý mới trên nền tảng công nghệ VNACCS/VCIS; hoàn thiện quy định pháp lý liên quan cho phép vận hành hệ thống VNACCS/VCIS một cách đồng bộ; xây dựng tài liệu hướng dẫn quy trình thủ tục mới.

4. Tham mưu cho Lãnh đạo Tổng cục Hải quan để chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị trong ngành tổ chức triển khai các công việc liên quan để đưa hệ thống vào vận hành.

5. Chịu trách nhiệm thẩm định các nội dung nghiệp vụ và kỹ thuật liên quan đến hệ thống VNACCS/VCIS do Nhà thầu nộp trước khi trình Tổng cục Hải quan, Bộ Tài chính phê duyệt.

6. Phối hợp cùng Ban Quản lý dự án tổ chức hội thảo giới thiệu về hệ thống VNACCS/VCIS; chuẩn bị nội dung và tài liệu phục vụ hội thảo.

7. Đề xuất huy động các nguồn lực cần thiết trong ngành để tổ chức thực hiện nhiệm vụ của dự án.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức và chế độ làm việc của Ban Triển khai dự án VNACCS/VCIS:

1. Ban Triển khai dự án VNACCS/ VCIS có Trưởng Ban và một số Phó Trưởng ban giúp việc, trong đó có 01 Phó Trưởng ban thường trực giúp Trưởng ban điều hành công việc thường xuyên của Ban.

2. Ban Triển khai dự án VNACCS/ VCIS được tổ chức thành các nhóm làm việc; Mỗi nhóm làm việc có 01 Trưởng nhóm và 01 Phó Trưởng nhóm giúp việc.

3. Việc tổ chức các nhóm làm việc và nhiệm vụ của từng nhóm của Ban Triển khai dự án VNACCS/ VCIS do Trưởng Ban quyết định căn cứ vào yêu cầu, tính chất công việc của từng giai đoạn dự án.

4. Ban Triển khai dự án VNACCS/ VCIS làm việc theo chế độ tập trung trong suốt giai đoạn thực hiện Dự án. Các thành viên của Ban được huy động làm việc theo chế độ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm trong từng giai đoạn của dự án theo quyết định của Trưởng Ban.

5. Điều kiện làm việc:

- Các thành viên của Ban triển khai dự án được hưởng phụ cấp trách nhiệm theo các quy định hiện hành, được đảm bảo các điều kiện làm việc thuận lợi, được phép đi bằng phương tiện máy bay khi thực hiện nhiệm vụ.

- Các công chức, viên chức được huy động tham gia triển khai dự án: Lãnh đạo Ban Triển khai dự án VNACCS/ VCIS căn cứ nhu cầu công việc và thời gian tham gia làm việc của các công chức, viên chức được huy động để đề xuất cấp có thẩm quyền quyết định mức phụ cấp theo quy định hiện hành.

6. Ban Triển khai dự án VNACCS/ VCIS được phép sử dụng con dấu của Tổng cục Hải quan trong các văn bản giao dịch công tác để thực hiện nhiệm vụ của Ban do Lãnh đạo Ban ký.

Điều 4. Nhiệm vụ của các thành viên Ban Triển khai dự án VNACCS/VCIS:

1. Trưởng Ban chịu trách nhiệm chỉ đạo chung, toàn diện về toàn bộ hoạt động của Ban trong suốt quá trình thực hiện dự án; phân công nhiệm vụ cho các Phó Trưởng ban; điều hành hoạt động của Ban; quyết định kế hoạch hoạt động của Ban; tổ chức và chủ trì các cuộc họp; kết luận ý kiến thảo luận tại cuộc họp của Ban; quyết định về cơ cấu tổ chức các nhóm làm việc theo từng giai đoạn dự án; phân công thành viên đảm nhiệm trưởng, phó nhóm làm việc.

2. Phó Trưởng Ban thường trực: Thay mặt trưởng Ban điều hành công việc thường xuyên của Ban; giúp Trưởng Ban chỉ đạo, điều phối hoạt động giữa các nhóm làm việc và giữa Ban triển khai dự án VNACCS/ VCIS với Ban Quản lý dự án.

3. Các Phó Trưởng Ban: Giúp Trưởng Ban chỉ đạo hoạt động của một số mảng công việc của Ban theo sự phân công của Trưởng Ban; tổ chức triển khai, kiểm tra, đôn đốc các công việc thuộc mảng việc được phân công.

4. Các nhóm làm việc: Chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của Ban trong phạm vi công việc của nhóm làm việc; chủ động phối hợp với các nhóm làm việc khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; thẩm định các nội dung về kỹ thuật và nghiệp vụ do Nhà thầu đề xuất liên quan đến nhiệm vụ của nhóm trước khi tham mưu đề xuất Lãnh đạo Ban quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định.

5. Trưởng, Phó nhóm làm việc: Trưởng nhóm làm việc chịu trách nhiệm điều hành công việc của nhóm; phân công nhiệm vụ cho các thành viên nhóm làm việc; đôn đốc, kiểm tra tiến độ, kết quả thực hiện; đánh giá kết quả công việc của thành viên trong nhóm làm việc; đề xuất với Lãnh đạo Ban về việc huy động, bố trí công chức, viên chức trong ngành tham gia nhóm làm việc phù hợp với yêu cầu công việc từng giai đoạn. Phó Trưởng nhóm giúp việc trưởng nhóm theo sự phân công của trưởng nhóm.

6. Các thành viên trong Ban: Chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ cụ thể liên quan đến mảng việc được phân công; đảm bảo tiến độ và chất lượng công việc; tham gia đầy đủ các hoạt động của Ban; chịu trách nhiệm trước Thủ trưởng đơn vị và Lãnh đạo Ban về nội dung công việc được phân công.

Điều 5. Môi quan hệ công tác của Ban Triển khai dự án VNACCS/ VCIS:

1. Với Ban Quản lý dự án: Ban Triển khai dự án VNACCS/ VCIS có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Ban Quản lý dự án trong việc xây dựng, cập nhật kế hoạch dự án; phối hợp với Nhà thầu và chuyên gia Hải quan Nhật bản triển khai các hoạt động dự án theo đúng kế hoạch đặt ra; cung cấp thông tin để Ban Quản lý dự án quản lý, đánh giá chất lượng, tiến độ của Dự án trên cơ sở văn kiện dự án được phê duyệt.

2. Với các Vụ, Cục, đơn vị thuộc cơ quan Tổng cục: Ban Triển khai dự án VNACCS/ VCIS và các Vụ, Cục, đơn vị thuộc cơ quan Tổng cục có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với nhau trong việc xử lý các vấn đề về kỹ thuật, nghiệp vụ của Dự án để đảm bảo định hướng thống nhất giữa các hoạt động cải cách, hiện đại hóa chung của ngành với các mục tiêu của dự án. Ban Triển khai dự án

VNACCS/ VCIS có quyền yêu cầu các đơn vị cung cấp các thông tin cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ của dự án.

3. Với các Cục Hải quan tỉnh, thành phố: Ban Triển khai dự án VNACCS/ VCIS có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn các Cục Hải quan tỉnh, thành phố trong việc triển khai các nhiệm vụ của Dự án tại đơn vị mình.

4. Với các đơn vị ngoài ngành Hải quan: Ban Triển khai dự án VNACCS/ VCIS thay mặt cho Tổng cục Hải quan trong mối quan hệ phối hợp với các cơ quan bên ngoài ngành Hải quan để triển khai các công việc thuộc phạm vi nhiệm vụ của Ban.

Điều 6. Ban Triển khai dự án VNACCS/VCIS tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Tổng cục Hải quan, Vụ trưởng Vụ Tài vụ - Quản trị, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ Tài chính (để b/c);
- Lãnh đạo Tổng cục;
- Lưu: VT, TCCB (5), HSCB (68b).



Nguyễn Ngọc Túc

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN TRIỂN KHAI DỰ ÁN VNACCS/VCIS
(Ban hành kèm theo Quyết định số 821/QĐ-TCHQ ngày 13/4/2012
của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan)



| STT | Họ và tên | Chức vụ | Đơn vị công tác | Chức vụ trong Ban Triển khai dự án VNACCS/VCIS |
|------------|------------------------|----------------------------|-------------------|--|
| I | Lãnh đạo Ban | | | |
| 1 | Vũ Ngọc Anh | Phó Tổng cục trưởng | Lãnh đạo Tổng cục | Trưởng Ban |
| 2 | Nguyễn Mạnh Tùng | Phó Trưởng ban thường trực | Ban CCHĐHHQ | Phó Trưởng ban thường trực |
| 3 | Nguyễn Trần Hiệu | Phó Cục trưởng | Cục CNTT & TKHQ | Phó Trưởng ban |
| II | Nhóm Tổng hợp | | | |
| 1 | Hoàng Đình Trung | Phó Trưởng phòng | Ban CCHĐHHQ | Trưởng nhóm |
| 2 | Cao Huy Tài | Phó Trưởng phòng | Ban CCHĐHHQ | Thành viên |
| III | Nhóm Pháp lý | | | |
| 1 | Trịnh Thanh Hải | Phó Vụ trưởng | Vụ Pháp chế | Trưởng nhóm |
| 2 | Lê Thúy Hiền | Trưởng phòng | Vụ Pháp chế | Phó Trưởng nhóm |
| 3 | Đặng Hương Thao | Phó Trưởng phòng | Ban CCHĐHHQ | Thành viên |
| 4 | Dương Thị Khuyên | Phó Trưởng phòng | Vụ Pháp chế | Thành viên |
| 5 | Nguyễn Mạnh Hào | Chuyên viên | Vụ Pháp chế | Thành viên |
| 6 | Vũ Anh | Chuyên viên | Vụ Pháp chế | Thành viên |
| 7 | Nguyễn Thị Thu Hằng | Chuyên viên | Vụ Pháp chế | Thành viên |
| 8 | Đỗ Mai Trang | Chuyên viên | Vụ Pháp chế | Thành viên |
| 9 | Trần Thị Thúy Hòa | Chuyên viên | Vụ Pháp chế | Thành viên |
| IV | Nhóm Thông quan | | | |
| 1 | Âu Anh Tuấn | Phó Cục trưởng | Cục GSQL về HQ | Trưởng nhóm |
| 2 | Nguyễn Bắc Hải | Trưởng phòng | Cục GSQL về HQ | Phó Trưởng nhóm |
| 3 | Trần Công Tuấn | Trưởng Trung tâm dữ liệu | Cục CNTT & TKHQ | Thành viên |
| 4 | Nguyễn Thế Việt | Phó Trưởng phòng | Cục GSQL về HQ | Thành viên |
| 5 | Trần Thùy Anh | Chuyên viên | Cục GSQL về HQ | Thành viên |
| 6 | Đặng Việt Hùng | Chuyên viên | Cục KTSTQ | Thành viên |
| 7 | Nguyễn Công Thế | Chuyên viên | Ban CCHĐHHQ | Thành viên |
| 8 | Lê Thị Hồng | Chuyên viên | Ban CCHĐHHQ | Thành viên |

| | | | | |
|-------------|-------------------------|------------------|-----------------|-----------------|
| 9 | Vũ Thế Hoàng | Chuyên viên | Cục CNTT & TKHQ | Thành viên |
| V | Nhóm Phương tiện | | | |
| 1 | Phạm Duyên Phương | Trưởng phòng | Ban CCHĐHHQ | Trưởng nhóm |
| 2 | Vũ Văn Thành | Chuyên viên | Ban CCHĐHHQ | Thành viên |
| 3 | Vũ Việt Dũng | Chuyên viên | Ban CCHĐHHQ | Thành viên |
| 4 | Phùng Thái Hà | Chuyên viên | Cục GSQL về HQ | Thành viên |
| 5 | Nguyễn Công Hoàng | Chuyên viên | Cục CNTT & TKHQ | Thành viên |
| 6 | Phạm Thành Trung | Chuyên viên | Cục CNTT & TKHQ | Thành viên |
| 7 | Dương Thúy Nga | Chuyên viên | Cục CNTT & TKHQ | Thành viên |
| VI | Nhóm Hàng hóa | | | |
| 1 | Trần Quốc Định | Phó Trưởng Ban | Ban CCHĐHHQ | Trưởng nhóm |
| 2 | Nguyễn Trường Sơn | Phó Trưởng phòng | Ban CCHĐHHQ | Phó Trưởng nhóm |
| 3 | Đào Duy Tám | Phó Trưởng phòng | Cục GSQL về HQ | Thành viên |
| 4 | Nguyễn Thị Kim Quế | Phó Trưởng phòng | Cục GSQL về HQ | Thành viên |
| 5 | Nguyễn Tiến Dũng | Chuyên viên | Cục CNTT & TKHQ | Thành viên |
| VII | Nhóm Thuế | | | |
| 1 | Nguyễn Ngọc Hưng | Phó Cục trưởng | Cục Thuế XNK | Trưởng nhóm |
| 2 | Nguyễn Thị Kim Thoa | Phó Trưởng phòng | Cục Thuế XNK | Phó Trưởng nhóm |
| 3 | Nguyễn Thị Thanh Hương | Phó Trưởng phòng | Cục Thuế XNK | Phó Trưởng nhóm |
| 4 | Lê Đức Thành | Trưởng phòng | Cục CNTT & TKHQ | Thành viên |
| 5 | Chu Thị Hồng Anh | Phó Trưởng phòng | Cục Thuế XNK | Thành viên |
| 6 | Nguyễn Thị Hồng Tuyết | Phó Trưởng phòng | Cục Thuế XNK | Thành viên |
| 7 | Phạm Thị Nguyệt Hưng | Chuyên viên | Cục Thuế XNK | Thành viên |
| 8 | Văn Thị Ái Liên | Chuyên viên | Cục Thuế XNK | Thành viên |
| 9 | Lê Thị Thơm | Chuyên viên | Cục Thuế XNK | Thành viên |
| 10 | Võ Thị Trâm | Chuyên viên | Cục Thuế XNK | Thành viên |
| 11 | Phan Thị Hiền | Chuyên viên | Cục Thuế XNK | Thành viên |
| VIII | Nhóm QLRR | | | |
| 1 | Hồ Ngọc Phan | Phó Trưởng Ban | Ban QLRR | Trưởng nhóm |

| | | | | |
|--|----------------------|----------------------|-----------------|-----------------|
| 2 | Doãn Ngọc Hà | Phó Trưởng phòng | Ban QLRR | Phó Trưởng nhóm |
| 3 | Nguyễn Mạnh Hải | Trưởng phòng | Ban CCHĐHHQ | Thành viên |
| 4 | Phan Trung Thu | Phó trưởng phòng | Cục CNTT & TKHQ | Thành viên |
| 5 | Đặng Hoàng Thân | Chuyên viên | Ban QLRR | Thành viên |
| 6 | Nguyễn Huy Hoàng | Chuyên viên | Ban QLRR | Thành viên |
| 7 | Lê Thị Thu Hiền | Chuyên viên | Ban QLRR | Thành viên |
| 8 | Trần Thị Minh Hải | Chuyên viên | Ban QLRR | Thành viên |
| 9 | Nguyễn Mạnh Linh | Chuyên viên | Ban CCHĐHHQ | Thành viên |
| 10 | Nguyễn Thị Mai Hương | Chuyên viên | Cục CNTT & TKHQ | Thành viên |
| IX Nhóm phần mềm đầu cuối | | | | |
| 1 | Lê Quang Hoài | Phó Trưởng phòng | Cục CNTT & TKHQ | Trưởng nhóm |
| 2 | Phan Tuấn Ninh | Phó Trưởng phòng | Cục CNTT & TKHQ | Thành viên |
| 3 | Vũ Minh Tuấn | Chuyên viên | Cục CNTT & TKHQ | Thành viên |
| X Nhóm mạng | | | | |
| 1 | Nguyễn Hoàng Giang | Phó Trưởng phòng | Cục CNTT & TKHQ | Trưởng nhóm |
| 2 | Hoàng Trung Dũng | Chuyên viên | Cục CNTT & TKHQ | Thành viên |
| XI Nhóm chuẩn bị vận hành | | | | |
| 1 | Lê Đức Thành | Trưởng phòng | Cục CNTT & TKHQ | Trưởng nhóm |
| 2 | Hoàng Tuấn Minh | Chuyên viên | Cục CNTT & TKHQ | Thành viên |
| 3 | Nguyễn Quang Dũng | Chuyên viên | Cục CNTT & TKHQ | Thành viên |
| XII Nhóm quản lý/đăng ký thông tin người dùng | | | | |
| 1 | Bùi Ngọc Dũng | Chuyên viên | Cục CNTT & TKHQ | Trưởng nhóm |
| 2 | Dương Hoàng Minh | Chuyên viên | Cục CNTT & TKHQ | Thành viên |
| XIII Nhóm quản lý/đăng ký CSF | | | | |
| 1 | Phan Tuấn Ninh | Phó Trưởng phòng | Cục CNTT & TKHQ | Trưởng nhóm |
| 2 | Nguyễn Lâm | Phó Trưởng Trung tâm | Cục CNTT & TKHQ | Thành viên |
| 3 | Đào Thị Hải Yến | Chuyên viên | Cục CNTT & TKHQ | Thành viên |
| 4 | Đào Ba Duy | Chuyên viên | Ban CCHĐHHQ | Thành viên |